

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-PT

Ngày: 18/4/2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản và
hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Lộc

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 03/2022/TLPT - DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”, do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N** - Sinh năm 1958; nơi cư trú: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Lê Kim T** - Sinh năm 1949; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà **Lê Kim T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2021 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:**

Vào ngày 19/9/2020 (âm lịch), bà Nguyễn Thị N và bà Lê Kim T có hợp đồng hui; bà N là chủ hui, bà T là hui viên, dây hui loại 5.000.000đ, một tháng kêu lĩnh hui một lần, dây hui có 22 phần, bà T có 01 phần, hợp đồng bằng văn bản.

Thực hiện hợp đồng, bà T kêu lĩnh hui đầu được số tiền 72.550.000đ. Sau khi lĩnh hui, bà T có góp hui chết 02 lần được 10.000.000đ thì không góp tiếp cho

đến nay. Bà T còn phải trả cho bà N 62.550.000đ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có trách nhiệm trả cho số tiền hụi còn nợ 62.550.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của bà T về việc yêu cầu bà N trả lại 05 lần hụi bà đã góp 19.850.000đ thì bà N không đồng ý do bà T kêu lĩnh hụi đầu chứ không phải chưa lĩnh hụi và bà T góp lại 02 lần hụi chết nêu trên.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp gồm: Hợp đồng hụi ngày 19/9/2020 (âm lịch) giữa bà Nguyễn Thị N và bà Lê Kim T; danh sách hụi viên.

**** Trong đơn phản tố ngày 31/5/2021 và trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, bị đơn Lê Kim T trình bày:***

Ngày 19/9/2020 (âm lịch), bà T thừa nhận có tham gia hụi do bà N làm chủ hụi, loại hụi 5.000.000đ, đây hụi có 22 phần, bà T có tham gia 01 phần, bà T có ký hợp đồng hụi do phía bà N ghi. Thực hiện hợp đồng bà T có góp 05 lần hụi sống được 19.850.000đ, bà chưa kêu lĩnh hụi. Bà N cho rằng bà kêu lĩnh hụi đầu được 72.550.000đ và góp lại 02 lần hụi chết là không đúng, hợp đồng hụi ngày 19/9/2020 (âm lịch) bà có ký tên vào hợp đồng nhưng phần góc phải phía dưới hợp đồng thể hiện bên B Lê Kim T kêu lời hụi 1.450.000đ, hốt 72.550.000đ là do bà N tự ghi vào, bà chưa kêu lĩnh hụi.

Bà T không đồng ý toàn bộ theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Bà T phản tố yêu cầu bà N có trách nhiệm trả lại bà T 05 lần hụi bà T góp vào cho bà N số tiền 19.850.000đ.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST, ngày 30 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:***

Căn cứ các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Kim T.

Buộc bị đơn Lê Kim T có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị N số tiền 62.550.000đ (Sáu mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 14/12/2021, bà Lê Kim T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; buộc bà N có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền hụi mà bà T đã góp vào cho bà N là 19.850.000đ.

Lý do kháng cáo: Bản án số 49/2021/DS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vi phạm trình tự tố tụng, xét xử không khách quan, áp đặt chứng cứ làm thiệt hại quyền lợi ích hợp pháp của bà T.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị đơn Lê Kim T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà T không giao nộp bổ sung chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

Bà T cho rằng bà không có nhận số tiền 72.550.000đ của bà N và cũng không có góp hụi chết 10.000.000đ như bà N trình bày; ngược lại, bà có đóng hụi sống cho bà N 05 lần với số tiền 19.850.000đ. Bà T thừa nhận chữ ký tên trong hợp đồng hụi mà bà N giao nộp cho Tòa án là chữ ký của bà nhưng bà cho rằng khi bà ký thì hợp đồng hụi chỉ có mẫu đánh máy, không có nội dung viết tay ở những chỗ trống.

- Nguyên đơn Nguyễn Thị N thống nhất với bản án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà T. Bà N khẳng định bà có giao cho bà T số tiền hụi 72.550.000đ, bà T có ký nhận số tiền này; sau đó, bà T có góp hụi chết 02 lần được 10.000.000đ.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Kim T, giữ nguyên án sơ thẩm. Miễn toàn bộ án phí cho bà T do bà là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Kim T về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N:

[1.1] Tại Hợp đồng hụi ngày 19/9/2020 âm lịch (nhằm ngày 04/11/2020) có thể hiện nội dung bà T hốt hụi với số tiền 72.550.000đ; nội dung này được ghi ở phía cuối Hợp đồng hụi ngày 19/9/2020 âm lịch, có bên giao tiền là bà N và bên nhận tiền là bà T ký tên. Bà T thừa nhận giữa bà và bà N có lập hợp đồng hụi, loại hụi 5.000.000đ, có 22 phần, bà N là chủ hụi, bà T là hụi viên, bà T tham gia một phần, đầu thảo hưởng tiền hoa hồng 2.000.000đ; ngoài ra, bà T thừa nhận bà có ký tên vào hợp đồng nhưng bà cho rằng bà chưa lĩnh hụi, bà không có nhận số tiền 72.550.000đ và cũng không có góp hụi chết 10.000.000đ như bà N trình bày.

[1.2] Lời trình bày của bà T về việc không có nhận số tiền 72.550.000đ và không có góp hụi chết 10.000.000đ là không phù hợp với chứng cứ là Hợp đồng

hội ngày 19/9/2020 âm lịch và các biên nhận về việc góp số tiền hội 10.000.000đ. Lời trình bày này của bà T mâu thuẫn với lời trình bày của bà N và lời trình bày của người làm chứng Trương Hồng Hoa. Cụ thể: Bà N khẳng định bà đã giao số tiền 72.550.000đ cho bà T và bà T có ký nhận phía cuối Hợp đồng hội ngày 19/9/2020 âm lịch, bà T có góp hội chết tổng cộng 10.000.000đ; còn bà Hoa trình bày bà Hoa ở chung nhà trọ với bà T, do bà N không biết chữ nên bà T có nhờ bà Hoa ghi hợp đồng hội cho bà N, bà T kêu lĩnh đầu, bà N có giao tiền hội cho bà T tại phòng trọ bà T, bà T có ký nhận tiền hội, còn việc bà T góp hội chết 02 lần với số tiền 10.000.000đ thì bà T giao tiền cho bà N tại phòng của bà Hoa.

[1.3] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T chỉ có lời trình bày mà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, bản án sơ thẩm buộc bà T trả cho bà N số tiền nợ hội 62.550.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Kim T về việc buộc bà N trả lại cho bà số tiền hội sống mà bà đã đóng cho bà N 05 lần, xét thấy:

Bà T trình bày rằng bà có góp 05 lần hội sống cho bà N được 19.850.000đ và yêu cầu bà N trả lại số tiền này. Lời trình bày và yêu cầu này của bà T không được bà N thừa nhận. Ngoài lời trình bày này ra bà T không có chứng cứ chứng minh bà đã góp hội cho bà N với số tiền 19.850.000đ nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T là có căn cứ.

[3] Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bà T được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Kim T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/DS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Kim T.

Buộc bà Lê Kim T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ hụi là 62.550.000đ (Sáu mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Kim T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà